

Số:1442/QĐ- ĐLDK

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu sản xuất Lịch năm 2027
của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP**

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-ĐLDK ngày 25/9/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hoá, dịch vụ và bảo trì công trình xây dựng phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-ĐLDK ngày 04/02/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-ĐLDK ngày 30/01/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc giao kế hoạch chi phí hoạt động, mua sắm TTB, TSCĐ đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 cho Cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 519/QĐ-ĐLDK ngày 04/5/2026 về việc phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-ĐLDK ngày 09/10/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt phạm vi công việc và dự toán chi phí sản xuất Lịch năm 2027 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1431/QĐ-ĐLDK ngày 12/10/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc thành lập Tổ chuyên gia gói thầu sản xuất Lịch năm 2027 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;



Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-ĐLĐK ngày 13/10/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu sản xuất Lịch năm 2027 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Xét đề nghị của Văn phòng Tổng công ty tại Tờ trình số 297/TTr-VP ngày 13/10/2026 về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu sản xuất Lịch năm 2027 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu sản xuất Lịch năm 2027 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (như tài liệu đính kèm).

Điều 2: Giao Văn phòng Tổng công ty làm đầu mối, phối hợp với các Ban liên quan triển khai thực hiện các công việc theo đúng các quy định hiện hành của Tổng công ty.

Điều 3: Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban: Thương mại, Pháp chế Tổng công ty và các thành viên thuộc Tổ chuyên gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT TCT (để b/cáo);
- TGĐ TCT (để b/cáo);
- BKS TCT (e-copy);
- Lưu: VT, VP (ĐTTN).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phan Ngọc Hiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói thầu: Sản xuất Lịch năm 2027 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Phát hành ngày: 14/10/2026

Ban hành kèm theo Quyết định: 1442/QĐ-ĐLĐK ngày 14/10/2026

Bên mời thầu: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Ngọc Hiền

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	3
PHẦN 1. THỦ TỤC MUA SẴM TRỰC TIẾP	4
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU	4
CHƯƠNG II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX	11
Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX	11
Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm	11
Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:	15
Mục 4. Xác định giá chào:	17
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU	19
PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP	32
CHƯƠNG V. PHẠM VI CUNG CẤP	32
PHẦN 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG	38

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
VND	Đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC MUA SẴM TRỰC TIẾP

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu: Sản xuất Lịch năm 2027 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn sản xuất kinh doanh.
3. Thời gian thực hiện gói thầu là: Quý IV năm 2026.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.
3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu hoặc rút hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;
 - b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;
 - c) Nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.
4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;
 - b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.
5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;
 - b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;
 - c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;
 - d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu, nhà đầu tư đối với gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định hiện hành;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh;

c) Tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với cùng một gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh;

d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án, dự án đầu tư kinh doanh do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

h) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định hiện hành;

i) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 Luật Đấu thầu;

k) Nêu điều kiện trong hồ sơ mời thầu nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu, nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu, nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định hiện hành;

l) Chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích Mua sắm trực tiếp; chia dự án, dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu, nhà đầu tư trong quá trình đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn theo quy định hiện hành.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện và tuân thủ các tiêu chí sau:

- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà cung cấp đang hoạt động cấp;

- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

- Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: Nhà cung cấp tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà cung cấp dịch vụ tư vấn (*); không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau:

+ Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán;

+ Tư vấn lập, thẩm định HSYC;

+ Tư vấn đánh giá HSDX; thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

() Nhà cung cấp dịch vụ tư vấn là nhà cung cấp độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với chủ đầu tư, bên mời thầu.*

- Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYC, bao gồm:

1. Đơn đề xuất Mua sắm trực tiếp theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu của nhà thầu, của người ký đơn đề xuất Mua sắm trực tiếp;
4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của dịch vụ theo quy định tại Mục 8 Chương này;
5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04, 04.1, 04.2 Chương III;

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất Mua sắm trực tiếp bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu chào giá: Theo Mẫu số 04 Chương III.

3. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định theo Mẫu số 04, 4.1, 4.2 Chương III, bao gồm cả đơn giá (nếu có), thành tiền.

Mục 8. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là **90 ngày** kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 9. Quy cách và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và 02 bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc HSDX" và "bản chụp HSDX" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 6 Chương I phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất Mua sắm trực tiếp.

Mục 10. Thời hạn nộp HSDX và mở thầu

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: 10h00, ngày 23 tháng 10 năm 2026.

2. Mở thầu:

Bên mời thầu tiến hành mở thầu công khai vào: 10h00, ngày 23 tháng 10 năm 2026.

Mục 11. Nhà thầu phụ: Không áp dụng.

Mục 12. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 13. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu
4. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.

Điều 14. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 15. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh quy định tại HSYC này hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 16. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.
- Tòa nhà PV Power, số 199 Nguyễn Tuân- Hà Nội.
- Điện thoại: (024) 2221 0288 Fax: (024) 2221 0388

Mục 17. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau:

- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam - CTCP
- PV Power, số 199 Nguyễn Tuân- Hà Nội.
- Điện thoại: (024) 22210 288 Fax: (024) 222010 388

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn đề xuất Mua sắm trực tiếp được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu.
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, Nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
2	Kiện tụng đang giải quyết	Sẽ không áp dụng					
3	Năng lực tài chính						
3.1	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu trong vòng 03 năm (từ năm 2023 đến năm 2025): 11 tỷ đồng .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 9
3.2	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có,	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương	Không áp dụng	Bảo lãnh vay vốn/Bản cam kết tín dụng

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
	thầu	các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị tối thiểu như sau: 1.5 tỷ đồng.			đương với phần công việc đảm nhận)		của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu (1).
4	Năng lực kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">- Cam kết cung cấp đủ dịch vụ nếu trúng thầu;- Cam kết đảm bảo khả năng cung cấp dịch vụ đạt yêu cầu về chất lượng theo đúng giá trúng thầu (kể cả trong trường hợp có trượt giá trong năm).					Có bản cam kết theo Mẫu số 06

Ghi chú:

(1) Bảo lãnh vay vốn/Bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu/phần thầu đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3

Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Áp dụng phương pháp đánh giá đạt/không đạt

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung đánh giá sau khi làm rõ		Mức độ đáp ứng
I	Về phạm vi cung cấp.		
1	Phạm vi dịch vụ cung cấp	Chào đủ 100% hạng mục dịch vụ như Danh mục tại mục 1.2. Phạm vi cung cấp dịch vụ Chương IV Phần 2.	Đạt
		Không chào đủ 100% hạng mục dịch vụ như Danh mục tại mục 1.2. Phạm vi cung cấp dịch vụ Chương IV Phần 2.	Không đạt
II	Yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ:		
1	Mô tả/Đặc tính kỹ thuật	Đáp ứng toàn bộ hoặc cao hơn các đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu tại Nội dung công việc của Phạm vi cung cấp quy định tại mục 1.2. Phạm vi cung cấp dịch vụ Chương IV Phần 2.	Đạt
		Có bất kỳ một tiêu chí nào không đáp ứng về đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu tại Nội dung công việc của Phạm vi công việc quy định tại mục 1.2. Phạm vi cung cấp dịch vụ Chương IV Phần 2.	Không đạt
2	Tiến độ hoàn thành sản xuất sản phẩm đáp ứng đúng quy cách: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày được ký duyệt maquette	Đáp ứng	Đạt
		Không đáp ứng	Không đạt

Mục 4. Xác định giá chào:

Cách xác định giá chào theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác;

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được

cộng thêm vào, giá trị phần chào thầu sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

ĐƠN ĐỀ XUẤT MUA SẴM TRỰC TIẾP

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên bên mời thầu]*

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]*. Thời gian thực hiện gói thầu là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu]*.

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là ____ ngày *[Ghi số ngày]*, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu⁽²⁾.

7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất Mua sắm trực tiếp thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất Mua sắm trực tiếp thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

ÔN
ÀU
/ 4/2

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được trúng thầu.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất Mua sắm trực tiếp. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH ⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ⁽²⁾ _____;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Ký đơn đề xuất Mua sắm trực tiếp;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;
- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;
- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc từng thành viên đảm nhận trong liên danh như sau⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc ____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

22
T
T
H
- C
E

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Đơn giá dịch vụ	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn đề xuất Mua sắm trực tiếp)	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 4.1

BẢNG GIÁ CHÀO DỊCH VỤ

Stt	Danh mục dịch vụ	Quy cách/đặc tính/thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)x(7)
	Dịch vụ thứ 1						M1
							
	Dịch vụ thứ n						Mn
Tổng cộng giá dự thầu của dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: (7) Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
..							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Bên mời thầu điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7) (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____
 Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Kính gửi: *(Ghi tên bên mời thầu)*

Sau khi nghiên cứu HSYC của gói thầu: (ghi tên gói thầu] của Bên mời thầu, chúng tôi, *(Ghi tên nhà thầu)*, xin cam kết các nội dung sau:

1. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Các tài liệu được đóng kèm trong HSDX và cung cấp trong quá trình đánh giá HSDX là trung thực và chính xác.
6. Không xảy ra bất cứ vi phạm nào về chất lượng dịch vụ cung cấp;
7. Chấp thuận và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của nhà thầu theo các yêu cầu của Bên mời thầu thể hiện trong HSYC.
8. Đảm bảo cung cấp đúng tiến độ đầy đủ số lượng hàng hoá, đủ kích cỡ và đảm bảo thông số, cấu hình kỹ thuật và chất lượng như cam kết nếu trúng thầu.
9. Lắp đặt và cung cấp dịch vụ theo đúng địa điểm được yêu cầu trong HSYC mà không đòi hỏi bất cứ điều kiện ràng buộc nào thêm về việc thi công lắp đặt.
10. Giá dự thầu là giá của dịch vụ tại Việt Nam, là giá cuối cùng của dịch vụ khi được thi công, lắp đặt tại các vị trí quy định tại HSYC; trong giá của dịch vụ đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao được công chứng hoặc chứng thực của các cấp có thẩm quyền các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất⁽⁴⁾, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính được kiểm toán.
3. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

4. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra (hoặc thanh tra) theo mẫu số 04/KTTT Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính;
- Tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây là năm 2023, 2024, 2025.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

STT	Sản phẩm	Mô tả chi tiết yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số Lượng
1	Lịch Bloc treo tường 2027	<p>Kích thước lịch: 28cm x 55cm, khổ dọc gồm:</p> <p>Khánh lịch: Kích thước: 28cm x 55cm x 0,5cm Chất liệu: Gỗ MDF sơn mài theo thiết kế Thiết kế thể hiện đặc trưng lĩnh vực ngành nghề và nhận diện thương hiệu của PV Power In UV hoạ tiết theo thiết kế</p> <p>Ruột lịch 365 tờ: Kích thước ruột: 25cm x 35cm Giấy Alpha Nhật định lượng 64gsm, in 4 màu 1 mặt. Nội dung tờ lịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngày tháng năm lịch dương, lịch âm + Hình ảnh: Ảnh các di sản Việt Nam và Thế giới. + Thông tin các ngày đặc biệt theo quy định của Luật xuất bản + Thông tin các ngày sự kiện quan trọng của Tổng công ty (nếu có) <p>Áo lịch: Giấy ivory ghép in metalize cán màng theo thiết kế Gia công: xén thành phẩm, khoan lỗ bắt vít, đường xé phẳng, tem xuất bản.</p> <p>Nẹp lịch: Kích thước 25cm x 2cm x 2,3cm Chất liệu: kim loại</p> <p>Hộp lịch: Carton sóng E 3 lớp giấy trắng, in metalize. Gia công bế thành phẩm. Có quai xách</p>	Bộ	7200

STT	Sản phẩm	Mô tả chi tiết yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số Lượng
		Kích thước hộp: 30cm x 56cm x 4cm Gia công: Bộ lịch được bắt vít yếm thành bộ hoàn chỉnh, cán màng co toàn bộ lịch, đóng thùng.		
2	Lịch để bàn 2027	<p>1. Đế lịch gồm: Đế gỗ sơn mài: + Chất liệu: Gỗ MDF sơn mài theo thiết kế. + Thiết kế thể hiện đặc trưng lĩnh vực ngành nghề và nhận diện thương hiệu của PV Power. In UV họa tiết theo thiết kế. Bảng mica: + In UV theo thiết kế. + Gắn phù điêu kim loại logo số “20”. + Kẹp giữ tờ lịch theo thiết kế.</p> <p>2. Ruột lịch gồm: Tờ lịch bìa: + Số lượng: 1 tờ + Giấy C200 cán màng, in 4 màu theo thiết kế Tờ lịch tháng: + Số lượng: 12 tờ + Kích thước: 15.5cm x 23cm + Giấy C200, in 4 màu. Nội dung tờ lịch tháng: + Ngày tháng năm lịch dương, lịch âm + Nhận diện thương hiệu của PV Power</p> <p>3. Hộp lịch: Chất liệu: Carton sóng E 3 lớp bồi in màu theo thiết kế. Quy cách: Hộp có quai xách, gia công bẻ thành phẩm. Đóng gói: Bộ lịch được đóng bộ hoàn chỉnh, 1 bộ đi kèm 1 hộp đựng, đóng thùng.</p>	Bộ	1600

Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

(Số: ____/PVP.VP – NHATNAM/2026/DV)

V/v: Sản xuất Lịch năm 2027 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng ngày __/__/2026.

Hôm nay, ngày __/__/2026, chúng tôi, đại diện cho các bên ký Hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A):

Tên chủ đầu tư: **Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà PV Power, số 199 Nguyễn Tuấn, phường Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 024.2221.0288; Fax: 024.2221.0388

Tài khoản: 138.208.207.770.14 tại TTGD Hội sở - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Tp Hà Nội.

Mã số thuế: 0102276173

Đại diện là ông: Phan Ngọc Hiền Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

(Theo Quyết định ủy quyền số 36/QĐ-ĐLDK ngày 17/01/2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP)

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B):

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản:

Tại:

Mã số thuế:

Đại diện là ông:

Chức vụ:

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Bên A đồng ý thuê bên B sản xuất Lịch năm 2027 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam với thông tin cụ thể như sau:

1. Số lượng:

ST T	Hạng mục	Đơn giá	Thuế VAT	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
1	Lịch Block treo tường 2027					
2	Lịch để bàn 2027					
Tổng						

Bảng chữ:./.

2. Địa điểm giao hàng: Theo yêu cầu cụ thể của bên A.
Nội dung chi tiết tại phụ lục 01 đính kèm hợp đồng.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Giá trị hợp đồng:

- **Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT):**
(Bảng chữ:)

2.2 Phương thức thanh toán: Hợp đồng được thanh toán 02 lần.

Lần 1: Bên A thanh toán 97% giá trị thực tế của hợp đồng cho Bên B trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hai bên hoàn thành việc giao nhận sản phẩm và Bên A nhận đầy đủ bộ hồ sơ chứng từ của Bên B như sau:

- ✓ Bản gốc công văn đề nghị thanh toán;
- ✓ File thiết kế cuối cùng của bộ lịch (lưu bằng USB hoặc ổ cứng);
- ✓ 01 bản in màu thiết kế gốc đã được phê duyệt;
- ✓ Bản phôi tô (có đóng dấu treo đỏ của Bên B) Giấy phép xuất bản bộ lịch;
- ✓ Bản gốc văn bản cam kết của Bên B về bản quyền thiết kế bộ lịch và hình ảnh sử dụng trong bộ lịch của hợp đồng này;
- ✓ Bản gốc Biên bản bàn giao và nghiệm thu hoàn thành hợp đồng được hai bên ký kết (bao gồm biên bản bàn giao tại từng đơn vị yêu cầu);
- ✓ Bản gốc Hóa đơn GTGT hợp pháp, hợp lệ;
- ✓ Bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- ✓ Bản gốc thanh lý Hợp đồng được cấp có thẩm quyền của hai bên ký.

Lần 2: Bên A thanh toán 3% giá trị còn lại của hợp đồng cho bên B trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hai bên hoàn thành thời hạn bảo hành sản phẩm và bên A nhận được bản gốc công văn đề nghị thanh toán của bên B.

ĐIỀU 3: BÀN GIAO VÀ NGHIỆM THU SẢN PHẨM

3.1. Thông báo giao nhận sản phẩm:

Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước ba (03) ngày làm việc về thời gian bàn giao sản phẩm cho Bên A tại Địa điểm bên A yêu cầu.

3.2. Nghiệm thu và bàn giao sản phẩm sẽ được tiến hành như sau:

Tại Địa điểm giao nhận, đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B sẽ cùng ký xác nhận vào biên bản nghiệm thu và bàn giao sản phẩm (được lập thành 02 bản gốc, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản) về việc sản phẩm đã hoàn thành bàn giao.

3.3. Bên A có quyền từ chối không nhận sản phẩm (một phần hay toàn bộ) nếu sản phẩm được giao không đáp ứng chất lượng, số lượng đã cam kết trong Hợp Đồng này.

3.4. Bên A có quyền từ chối nghiệm thu nếu Bên B không hoàn thành một phần hay toàn bộ việc bàn giao sản phẩm cho Bên A.

ĐIỀU 4: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

4.1 Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng, Bên B phải nộp cho Bên A **Bảo đảm Thực Hiện Hợp Đồng** với nội dung yêu cầu như sau:

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư Bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 3% Giá hợp đồng.
- Hiệu lực: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày hai Bên nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Trong trường hợp 2 bên ký phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B có trách nhiệm gia hạn thời gian của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng tương ứng với thời gian gia hạn thực hiện hợp đồng.

4.2 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B khi Bên B không hoàn thành bất kỳ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của mình theo Hợp đồng.

4.3 Trường hợp sau khi ký kết hợp đồng 10 ngày mà Bên B vẫn chưa nộp cho Bên A **Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng** thì Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A về lý do chậm trễ. Tuy nhiên, thời gian được gia hạn thêm không quá 03 ngày. Sau thời điểm trên, Bên A sẽ xem xét việc chấm dứt hợp đồng với Bên B.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA MỖI BÊN

5.1 Trách nhiệm

Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định tại Điều 2 của hợp đồng này cũng như

thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Quyền lợi Bên A

- Được cung cấp sản phẩm theo đúng Điều 1 của hợp đồng này. Được sử dụng file thiết kế bộ lịch và hình ảnh sử dụng trong bộ lịch của hợp đồng này;
- Kiến nghị và đề nghị Bên B giải quyết tất cả các vấn đề phát sinh liên quan đến thực hiện hợp đồng bao gồm bản quyền của bộ lịch;
- Trong trường hợp sản phẩm không đạt tiêu chuẩn theo cam kết, Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế bằng sản phẩm mới theo đúng tiêu chuẩn và chất lượng quy định tại Điều 1 của hợp đồng này.

5.2 Trách nhiệm Bên B

- Bên B cung cấp cho Bên A đầy đủ sản phẩm dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại hợp đồng.
- Mẫu thiết kế lịch cuối cùng thuộc quyền sở hữu của Bên A, Bên B không được phép cung cấp ý tưởng hoặc mẫu thiết kế do Bên A đặt hàng cho bất kỳ tổ chức, đơn vị nào khác.
- Bên B phải cam kết về bản quyền thiết kế bộ lịch và hình ảnh sử dụng trong bộ lịch của hợp đồng này.
- Cung cấp cho Bên A file thiết kế cuối cùng của bộ lịch (01 USB hoặc ổ cứng);
- Cung cấp cho Bên A bản phôi tô (có đóng dấu treo đỏ của Bên B) Giấy phép xuất bản bộ lịch.
- Cung cấp cho Bên A văn bản cam kết của Bên B về bản quyền thiết kế bộ lịch của hợp đồng này. Ngoài ra, Bên B phải chịu trách nhiệm giải quyết tất cả các vấn đề phát sinh (nếu có) liên quan đến bản quyền của bộ lịch.
- Đảm bảo chất lượng công việc, đảm bảo sản phẩm theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, tính chính xác bộ số lịch âm, lịch dương năm 2025.
- Bên B sẽ không chịu trách nhiệm trong trường hợp mọi chỉnh sửa của Bên A không kịp thời, dẫn đến việc bên B không thể thực hiện công việc theo đúng thời hạn quy định.
- Cung cấp hàng hóa theo đúng yêu cầu số lượng, chất lượng như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này.
- Đảm bảo thực hiện tiến độ thiết kế, in ấn và giao nhận hàng đúng theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng này.
- Vận chuyển ra khỏi cơ quan Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP toàn bộ những sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật mà Bên A không chấp nhận nghiệm thu. Toàn bộ những sản phẩm lỗi đó sẽ không được Bên A thanh toán.
- Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận lại hàng hóa không đáp ứng yêu cầu chất lượng, Bên B có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa mới theo đúng tiêu chuẩn và chất lượng quy định tại Điều 1 của hợp đồng này.
- Nộp cho Bên A bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

Quyền lợi của Bên B

- Được Bên A thanh toán theo đúng Điều 2 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 6: BẢO HÀNH

- Bảo hành sản phẩm: Sản phẩm được bảo hành 12 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu sản phẩm..
- Sau khi hoàn thành công việc bàn giao và nghiệm thu sản phẩm, Bên B phải thực hiện cam kết bảo hành bao gồm các nội dung chính sau:
 - + Hình thức bảo lãnh bảo hành: Tiền mặt
 - + Giá trị bảo lãnh thực hiện bảo hành: Bên A sẽ giữ lại 03% (ba phần trăm) giá trị hợp đồng nhằm đảm bảo thực hiện hợp đồng.
 - + Hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày hoàn thành giao hàng và nghiệm thu sản phẩm giữa 2 bên.
- Bên A có quyền rút Bảo lãnh bảo hành trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản thông báo của Bên A, Bên B không tiến hành sửa chữa, thay thế sản phẩm bị hư hỏng. Để tránh nhầm lẫn, việc rút bảo lãnh - bảo hành như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.
- Tất cả các chi phí liên quan đến việc thiết lập và duy trì Bảo lãnh này sẽ do Bên B chịu.

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B vi phạm cơ bản các nghĩa vụ trong Hợp đồng.
- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- Xảy ra sự kiện Bất khả kháng.
- Bên B bị phá sản, giải thể.
- Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên A bị phá sản, giải thể.

ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG

- Các Bên được miễn thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này nếu xảy ra các trường hợp bất khả kháng có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới việc thực hiện Hợp đồng bao gồm sự cấm đoán hay lệnh của chính phủ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến giao dịch của các bên, hoặc sự thay đổi luật làm ảnh hưởng đến giao dịch của các bên mà các bên không thể tiên liệu trước; bạo loạn, chiến tranh, tình trạng khẩn cấp quốc gia, thiên tai, dịch họa, bệnh dịch, hỏa hoạn, lụt lội, động đất, bão hoặc các hiểm họa thiên nhiên khác.
- Bên không thể thực hiện nghĩa vụ phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản (bằng cách gửi thư thông báo, điện tín, v.v..) về việc xảy ra sự kiện bất khả kháng, về thời hạn dự kiến kéo dài và việc kết thúc tình huống bất khả kháng

trong vòng 3 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện BBK. Nếu không thông báo, hoặc thông báo chậm hơn quy định (3 ngày), Bên thông báo phải bồi thường cho Bên kia các tổn thất xảy ra do không thông báo, hoặc thông báo không kịp thời.

- Bên viện dẫn các tình huống bất khả kháng làm cơ sở để miễn trừ trách nhiệm đối với việc vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này phải cung cấp bằng chứng cho thấy sự xuất hiện của các tình huống bất khả kháng đó, bao gồm bất kỳ bằng chứng nào xác nhận 1 cách rõ ràng sự xuất hiện của các tình huống bất khả kháng đó (thông báo truyền thông, truyền hình và radio, hình ảnh, giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền, v v...).
- Ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng, Các Bên có liên quan đến Hợp đồng phải cùng nhau thảo luận để quyết định tiếp tục duy trì việc thực hiện hay chấm dứt Hợp đồng.

ĐIỀU 9. BẢO MẬT THÔNG TIN

- Hợp đồng được lập trên cơ sở bảo mật nghiêm ngặt. Không bên nào được tiết lộ nội dung của Hợp đồng này mà không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên còn lại, trừ trường hợp phải cung cấp theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp cung cấp thông tin theo quy định pháp luật, Bên cung cấp phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại nội dung thông tin đã cung cấp, chậm nhất sau 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp.

ĐIỀU 10. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu Bên nào vi phạm một trong những điều khoản đã được thỏa thuận tại hợp đồng thì phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với giá trị bằng 8% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm.
- Trường hợp Bên vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên kia thì ngoài trách nhiệm phạt vi phạm, Bên vi phạm phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ những thiệt hại thực tế đối với Bên kia theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo trình tự và thủ tục do pháp luật quy định. Quyết định của Tòa án là cuối cùng và ràng buộc trách nhiệm thi hành của các bên.
- Luật điều chỉnh Hợp đồng là luật Việt Nam.

ĐIỀU 12. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng theo những điều khoản đã được thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.
- Thời hạn hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực kể từ khi hai bên thanh lý hợp đồng.

- Thời điểm thanh lý hợp đồng: Sau khi các bên đã hoàn thành toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng này hoặc theo sự thỏa thuận của hai bên.
- Mọi sửa đổi, bổ sung đều phải được hai bên thống nhất lập thành văn bản.
- Hợp đồng này được lập thành sáu (06) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ bốn (04) bản, Bên B giữ hai (02) bản để theo dõi và thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]